

Bản án số: 91/2025/HS-PT
Ngày: 03/3/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Bùi Đức Nam.

2/ Ông Ngô Đức Thụ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2025/TLPT-HS ngày 02/01/2025 đối với bị cáo Phan Ngọc Đ, Hoàng Trọng N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 317/2024/HS-ST ngày 22/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Phan Ngọc Đ**, sinh năm 1989, tại tỉnh TV. Nơi thường trú và cư trú hiện nay: Khóm 3, Phường A, thị xã D, tỉnh TV; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Phan Thị M; có chồng Phạm Tấn T1 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh ngày 07/9/2022; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ ngày 25-11-2021 (trong trường hợp khẩn cấp), hủy bỏ Quyết định tạm giữ và thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04-12-2021 cho đến nay;

Bị cáo tại ngoại “có mặt tại phiên tòa”;

2. **Hoàng Trọng N** (tên gọi khác: Kỳ N), sinh năm 1975, tại tỉnh QT. Nơi thường trú: nhà số 70, ấp H (mới: ấp H3), xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc M (chết) và bà Huỳnh Thị K (chết); có vợ Nguyễn Thị Thu Thảo, chưa có con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

Ngày 26/5/1992, bị Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản của công dân” (khai tên Nguyễn Danh D, chấp hành xong hình phạt chính ngày 03/6/1992 và quyết định khác ngày 05/01/1995, án tích đã được xóa);

Ngày 18/5/1993, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm phạt 01 năm 08 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản của công dân” (khai tên Nguyễn Anh D1, chấp hành xong hình phạt chính ngày 06/5/1994; còn các quyết định khác, do Chi cục Thi hành án dân sự Quận H trả lời chưa thụ lý thi hành án cả 02 bản án sơ thẩm và phúc thẩm nên án tích coi như đã được xóa);

Ngày 05/8/1995, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử sơ thẩm phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội cướp giật tài sản của công dân” (khai tên Phan Văn M và do Cục Hồ sơ nghiệp vụ-Bộ Công an trả lời không có lưu giữ giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù, còn Quyết định khác thì được Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố ĐH, tỉnh QT trả lời “không có tài liệu cung cấp thông tin” nên án tích coi như đã được xóa);

Ngày 25/12/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về “Tội cướp giật tài sản của công dân” (khai tên Nguyễn Anh D1 và do Cục Hồ sơ nghiệp vụ-Bộ Công an trả lời không có lưu giữ giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù, còn Quyết định khác thì được Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh trả lời “không có thông tin về bản án này” nên án tích coi như đã được xóa);

Ngày 17/5/2002, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về “Tội cướp giật tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 26/02/2007, còn Quyết định khác thì được do Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố ĐH, tỉnh QT trả lời đã “được miễn thi hành vào ngày 22/9/2008” nên án tích coi như đã được xóa);

Ngày 26/4/2008, bị Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh xử sơ thẩm phạt 05 năm tù về “Tội trộm cắp tài sản” (đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 14/10/2012 và Quyết định khác ngày 11/3/2009, án tích đã được xóa);

Ngày 16/9/2020, bị Trưởng Công an xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép” (đã chấp hành Quyết định ngày 29/9/2020, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính);

Ngày 19/10/2020, bị Trưởng Công an xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” (đã chấp hành Quyết định ngày 02/11/2020, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính);

Bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2024 cho đến nay “có mặt tại phiên tòa”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Ngọc Đ tự nhận xưng hô là con nuôi của vợ chồng ông Ngô Quang Th, bà Dương Mỹ N và đã nhiều lần cho bà N vay với tổng số tiền 355.000.000 đồng theo cam kết trong giấy nợ 15/11/2020 của chị N thì 02 tháng sau khi vay là nhằm ngày 15/01/2021 sẽ trả cả gốc lẫn lãi cho Đ theo thỏa thuận trước. Nhưng sau đó, do bà N trốn tránh và không trả nợ cho Đ; còn Đ không liên lạc được với bà N nên Đ đến gặp ông Th để hỏi về số nợ mà bà N vay. Khi đó, tuy ông Th có hứa sẽ trả số tiền nợ này cho Đ nhưng không trả mà trốn tránh, không gặp mặt Đ nên Đ kể cho tên T1 (bạn quen ngoài xã hội và không rõ lai lịch) nghe về việc vợ chồng chị N và ông Th vay tiền của Đ nhưng không trả rồi nhờ tên T1 đi cùng với Đ để đòi nợ thì tên T1 đồng ý.

Đến ngày 21/11/2021, Đ thuê xe dịch vụ của anh Võ Thành N từ tỉnh TV chở Đ và tên T1 lên Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng Đ không nói gì cho anh N biết việc đi đòi nợ nên anh N chỉ điều khiển xe ô tô hiệu Toyota Fortuner, màu bạc, biển số 84A-070.xx chở Đ và tên T từ tỉnh TV đến quận BT. Trên đường đi, tên T đón người bạn tên Nguyễn Thanh P tại trước nhà số 37, đường Nguyễn Thị H, ấp ĐL, xã B, huyện H theo cùng rồi gọi điện thoại cho Hoàng Trọng N nói là muốn gặp Ng, nhưng chưa nói gì cho Ng biết việc đi đòi nợ anh Th thì Ng kêu đến quán cà phê C, số 29, Tổ 24, ấp ĐL, xã B, huyện H. Khi đến nơi, Đ có nhờ Ng đi đòi nợ giúp nhưng Ng từ chối không đi nên cả 03 trở ra xe ô tô yêu cầu anh N chở đi vài nơi tìm ông Th nhưng không gặp nên lúc đến Bệnh viện đa khoa quận BT, Đ xuống xe rồi gọi điện thoại cho tên ĐB (không rõ lai lịch) nhờ giúp đỡ đòi nợ anh Th thì tên này đồng ý. Khi Đ xuống xe, anh N điều khiển xe ô tô chở 02 tên T và P quay trở lại quán cà phê C gặp Ng đang ngồi uống rượu với nhóm bạn của Ng, 02 tên T1 và P ngồi cạnh uống cà phê nói chuyện với Ng, còn anh N ngồi trên xe ô tô bên ngoài. Trong lúc này, tên ĐB điều khiển xe mô tô đến chỗ Đ chờ chờ đi uống rượu trên Đường Số 5, phường B, quận BT; tại đây, Đ có gặp 01 người thanh niên là bạn của tên ĐB thì Đ nói cho 02 người biết địa chỉ nhà của ông Th tại số 1D, Đường Số 5, phường B, quận BT và nhờ tên thanh niên này canh nhà ông Th dùm rồi Đ cùng tên ĐB đến quán cà phê C. Sau đó, người thanh niên canh nhà ông Th gọi điện thoại báo cho Đ biết là ông Th đã về nhà nên Đ cùng với 03 tên T1, P và ĐB lên xe anh N chở đến nhà ông Th. Tại đây, tên ĐB gọi thêm 02 người thanh niên khác (không rõ lai lịch) đến cùng đi vào nhà tìm ông Th (riêng Đ đã xuống xe từ trước đó và được người bạn của tên ĐB sử dụng xe mô tô chở Đ hướng ra hướng đường Quốc Lộ 1A). Lúc khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm các tên T1, P, ĐB cùng với 02 người thanh niên trên đến chỗ 02 anh Th và Huỳnh Văn Th đang ngồi uống nước tại trước nhà số 1D, Đường Số 5, phường B, quận BT thì có 01 người trong nhóm (chưa xác định được là ai) lại trước mặt anh Th hỏi “*có phải tên Th không?*” rồi dùng tay đâm 01 cái trúng vào mặt bên phải của ông Th, 02 tên T1 và Ph cùng

với người thanh niên khiêng ông Th lên xe ô tô; 02 người còn lại thì kẻ anh Th đưa lên xe để đi theo cùng. Do Đ đi tới nhìn thấy đã bắt đúng anh Th nên kêu anh Nời điều khiển xe chở đến quán cà phê C; riêng Đ thì được tên ĐB chở bằng xe mô tô theo sau. Khi đến nơi, các tên T1, P, ĐB cùng với 03 người thanh niên trên không ché và không cho ông Th đi đâu; còn anh Th, do không liên quan gì đến việc thiếu nợ nên cho anh Th ngồi riêng 01 bàn khác trong quán. Tại đây: Đ yêu cầu ông Th trả đủ nợ gốc lẫn lãi với tổng số tiền là 455.000.000 đồng, nhưng do ông Th không đồng ý nên ông Th bị tên ĐB dùng tay tát vào mặt 01 cái rồi bạn của tên ĐB cũng dùng tay tát tiếp vào mặt ông Th 01 cái, riêng tên T1 dùng tay bóp cổ ông Th. Lúc này, Ng đang ngồi bàn bên cạnh uống rượu nhìn thấy ông Th bị đánh nên liền đứng lên đi qua và nói với anh Th *“nếu vợ có nợ thì kêu vợ về trả hoặc ông có thì trả cho người ta, người trong gia đình cả”* rồi quay lại bàn ngồi uống rượu tiếp. Trong lúc ông Th và Đ tiếp tục cãi nhau về số tiền nợ, ông Th đồng ý trả cho Đ số tiền 200.000.000 đồng, nhưng ông Th nói không mang theo đủ tiền, Đ nói *“vàng đeo đầy trên người sao không cầm trả đi”*, ông Th trả lời *“có vàng nhưng giờ khuya cầm, bán ở đâu”*; nghe vậy, Ng nói *“tôi là dân địa phương ở đây, gần nhà tôi có tiệm vàng bán khuya lắm, nếu ông có cầm hoặc bán tôi chỉ giúp ngay chỗ đó”*. Khi đó, ông Th nhờ Ng chở đến Tiệm vàng Kim Thành D do anh Trần Tấn B làm chủ, cầm hết số vàng trong người gồm: 11 chiếc nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền vàng (có cả mặt dây chuyền) được số tiền 150.000.000 đồng, ông Th lấy thêm tiền đã mang sẵn trong người ra 9.500.000 đồng nhập vào được tổng cộng 159.500.000 đồng đưa cho Đ. Nhưng Đ không đồng ý nhận số tiền này do chưa đủ 200.000.000 đồng thì Ng qua nói bảo lãnh số tiền 40.500.000 đồng còn lại để cho ông Th đi về thì anh Th đồng ý; lúc này, Đ yêu cầu ông Th viết giấy nợ còn lại với số tiền 255.000.000 đồng và vào ngày 21 hàng tháng phải trả góp 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nhưng do ở xa, hàng tháng không lấy tiền của ông Th trả được nên Đ nhờ Ng đứng tên trong giấy cho vay nợ thì Ng đồng ý. Khi đó, giấy nợ do Đ đọc cho ông Th viết, đến đoạn có liên quan đến tên, tuổi, địa chỉ của Ng thì Ng đọc cho ông Th viết rồi điểm chỉ vào giấy vay nợ. Đến 21 giờ cùng ngày, nhóm của Đ cho 02 Th và Thảo đi về, nhưng do không có xe nên Ng sử dụng xe mô tô SH màu trắng, biển số 59C1-331.xx chở đưa 02 anh ra đường Quốc Lộ 1 để đón xe đi về. Trong lúc Ng vừa chở ông Th và Th ra khỏi quán cà phê C thì số tiền lấy được của ông Th vẫn còn để trên bàn nên tên T1 tự đến lấy một cọc 49.500.000 đồng rồi chia cho các tên Ph, ĐB và bạn của tên ĐB; riêng tên Tuấn không lấy tiền. Khi Ng quay trở lại quán cà phê C thì Đ đưa tiền cho Ng nhưng Ng từ chối không nhận rồi Đ cầm giữ hết số tiền còn lại là 110.000.000 đồng cùng tên T1 ra xe ô tô cho anh N chở về lại tỉnh TV; còn các tên Ph, ĐB và bạn của tên ĐB cũng rời khỏi quán cà phê C. Vụ việc sau đó đã được anh Trần Tê G đến Công an phường B trình báo rồi chuyển cho Cơ quan điều giải quyết theo thẩm quyền. Tại đây, Đ và Ng khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ. Như vậy, Đ đã có hành vi

“bắt, giữ người trái pháp luật” đối với 02 người là các ông Th và T4; ngoài ra trong khoảng thời gian dài, Đ còn cùng với Ng có hành vi dùng vũ lực, đe dọa uy hiếp tinh thần ông Th nhằm hướng đến việc chiếm đoạt số tiền 455.000.000 đồng của chính ông Th (trong đó, đã chiếm đoạt được trước 159.500.000 đồng; còn lại 295.500.000 đồng thì, buộc anh Th viết giấy vay nợ 255.000.000 đồng, trả góp mỗi tháng 20.000.000 đồng và Ng bảo lãnh cho ông Th 40.500.000 đồng). Về vật chứng, Cơ quan điều tra đã thu hồi được số tiền 159.500.000 đồng; trong đó, đã trả lại cho anh Trương Tấn B (người nhận cầm vàng của anh Th) 150.000.000 đồng và cho ông Th 9.500.000 đồng; riêng đối với 11 chiếc nhẫn vàng và 01 sợi dây chuyền vàng (có cả mặt dây chuyền và do anh B giao nộp) cũng đã giao trả đủ lại cho ông Th. Về trách nhiệm dân sự, cả 02 ông Th và Thảo đều không ai yêu cầu Đ và Ng bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 317/2024/HS-ST ngày 22/11/2024 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc Đ 03 (ba) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1.1.2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc Đ 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1.1.3. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phan Ngọc Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được thời gian đã bị tạm giữ trước từ ngày 25-11-2021 đến ngày 04-12-2021.

1.2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17 và 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng N 10 (mười) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 05-4-2024.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2024, bị cáo Phan Ngọc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/11/2024, bị cáo Hoàng Trọng N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định, các bị cáo giữ Ng kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo Phan Ngọc Đạm “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” và “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 và điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Trọng N phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo Trình bày đã nộp khắc phục hậu quả với số tiền là 159.500.000 đồng, đây là tình tiết mới tại phiên tòa. Mặc dù có thêm tình tiết mới nhưng xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; Giữ Ng bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo để sớm trở về hòa nhập cộng đồng, lao động giúp đỡ gia đình và nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận: trong khoảng thời gian từ 17 giờ 30 phút đến 21 giờ ngày 21/11/2021, bị cáo Đã có hành vi dùng vũ lực đối với ông Th rồi khống chế ông Th và luôn cả ông Thảo đưa đi cùng từ trước nhà số 1D, Đường Số 5, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân đến quán cà phê Copen, số 29/2H, Tổ 24, ấp Đông Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn trái với ý muốn của các ông Th và bà Thảo. Tại đây, các bị cáo Đào, Ng và các đồng phạm chưa rõ lai lịch đã dùng vũ lực uy hiếp tinh thần và dùng lời nói đe dọa làm cho ông Th hoảng sợ mà đi cầm cổ trang sức vàng để lấy tiền nợ cho bị cáo Trái với ý muốn của ông Th; trong số tiền nợ gốc và lãi mà bị cáo Đbuộc ông Th phải trả là 455.000.000 đồng thì: bị cáo Đã lấy được của ông Th số tiền 159.500.000 đồng, bị cáo Ng còn tự đứng ra nhận bảo lãnh cho ông Th 40.500.000 đồng đối với Để hôm sau đến nhà ông Th thu tiền rồi trả cho Đào,

sau đó ông Th đã viết giấy nợ còn lại với số tiền 255.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Phan Ngọc Đ đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản và quyền bất khả xâm phạm về thân thể con người, các hành vi này đã phạm vào “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự; và “Tội cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo Hoàng Trọng N đã phạm “Tội cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Đ có nhân thân tốt, được bị hại làm đơn xin bãi nại giảm nhẹ mức hình phạt nên cần được xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào.

[4] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo giữ N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích của bị cáo Đ là chiếm đoạt 455.000.000 đồng của bị hại Ngô Quang Th, nên các bị cáo bị khởi tố, truy tố và xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Nhưng thực tế các bị cáo mới chiếm đoạt được số tiền là 159.500.000 đồng của bị hại Th, các bị cáo không chiếm đoạt được đủ 455.000.000 đồng như mong muốn.

Ngoài ra bị cáo Đ đang nuôi 03 con còn nhỏ, trong đó có con dưới 36 tháng tuổi; bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả là 159.500.000 đồng trả cho bị hại và được bị hại bãi nại.

Đây là những tình tiết mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Do đó áp dụng bổ sung điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đào; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ng.

Xét thấy mức phạt tù của bản án sơ thẩm về “Tội cưỡng đoạt tài sản” đã áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc nên giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Riêng về phần quyết định hình phạt tù của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đ về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” là có căn cứ, phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt.

Trong vụ án này, xét thấy bị cáo Đ phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; bị cáo N là đồng phạm giúp sức tích cực trong vụ án, có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản và bị xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử quyết định mức phạt tù đối với từng bị cáo phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi và nhân thân người phạm tội.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo do có tình tiết mới chưa áp dụng.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Ngọc Đ và bị cáo Hoàng Trọng N; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 317/2024/HS-ST ngày 22/11/2024 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc Đ 03 (ba) năm tù về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật” và 08 (tám) năm tù về “Tội cưỡng đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Phan Ngọc Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 25 tháng 11 năm 2021 đến ngày 04 tháng 12 năm 2021.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Trọng N 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù về “Tội cưỡng đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05 tháng 4 năm 2024.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND quận BT; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND huyện quận BT; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA quận BT; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (1)
- Công an quận BT; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Nguyễn